

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/DS-ST

Ngày: 06-11-2019

V/v tranh chấp “Giao dịch dân sự,
hợp đồng dân sự đối với Hợp đồng
góp hụi”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xươngne

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thanh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp: “Giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự đối với Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: số 110/1, ấp L, xã K, huyện K, tỉnh S.

2. *Bị đơn:*

Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1979.

Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: số 1/1, ấp 19/5, xã, huyện K, tỉnh S.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Phan Thị Yến N, sinh năm 1990.

Tên thường gọi: Chal – Chanh.

Địa chỉ cư trú: ấp Lung Đen, xã Kế An, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ HKTT: ấp 19/5, xã Kế An, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

(Chị H có mặt; anh Tuấn A, chị D và chị N cùng có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2019, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Chị H có tham gia chơi hội do vợ cH anh Trần Tuấn A và chị Nguyễn Thị D làm đầu thảo. Cụ thể các dây hội sau:

1/ Dây hội mùa, 04 tháng khui một lần, mở vào ngày 29/02/2015 âm lịch, gồm 18 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, chị H tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội viên là “cô H”. Chị đóng được 10 kỳ (lần) hội sống, nếu tính cả vốn và lãi hội thì được số tiền **50.000.000 đồng**.

2/ Dây hội mùa, 04 tháng khui một lần, mở vào ngày 29/3/2016 âm lịch, gồm có 19 phần, mỗi phần 10.000.000 đồng, chị H tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội viên là “cô H”. Chị đóng được 07 kỳ (lần) hội sống, nếu tính cả vốn và lãi hội thì được số tiền **70.000.000 đồng**.

3/ Dây hội tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm có 50 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, chị H tham gia 04 phần, tuy Nên trong danh sách hội viên 02 phần ghi là “cô H”, còn 02 phần ghi tên là “Chal” (là con gái của chị).

Chị H đóng được 21 kỳ (lần) hội sống/ 01 phần hội, nếu tính cả vốn và lãi hội thì được số tiền 42.000.000 đồng/01 phần hội x 02 phần hội ghi tên cô H = **84.000.000 đồng**.

Nếu tính cả vốn và lãi hội thì được số tiền 42.000.000 đồng/ 01 phần hội x 02 phần hội ghi tên Chal = **84.000.000 đồng**.

4/ Dây hội tháng, mở vào ngày 10/02/2017 âm lịch, gồm có 43 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, chị H tham gia 01 phần, trong danh sách hội ghi tên là “cô H”. Chị đóng được 17 kỳ (lần) hội sống, nếu tính cả vốn và lãi hội thì được số tiền **34.000.000 đồng**.

5/ Ngày 30/6/2017 âm lịch, vợ cH chị D, anh Tuấn A mở 02 dây hội gồm:

+ Dây hội thứ nhất có 33 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, chị H tham gia 02 phần, trong đó, 01 phần danh sách hội viên ghi tên là “cô H”. Chị đã đóng hội sống được 12 kỳ (lần), nếu tính cả tiền vốn và lãi hội thì được **24.000.000 đồng**.

01 phần còn lại trong danh sách hội viên ghi tên “Chal” – là con ruột của chị. Đối với phần hội này chị cũng đóng được 12 kỳ (lần) hội sống, nếu tính cả tiền vốn và lãi hội thì được **24.000.000 đồng**.

+ Dây hụi thứ hai có 32 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, chị H tham gia 01 phần, danh sách hụi viên ghi tên là Chal, phần hụi này, chị cũng đóng được 12 kỳ (lần) hụi sống, nếu tính cả tiền vốn và lãi hụi thì được **24.000.000 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền hụi sống mà chị D và anh Tuấn A nợ chị Trần Thị H là **394.000.000 đồng**.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa hôm nay, chị Trần Thị H có trình bày bổ sung một số phần hụi mà chị đã hốt và nợ tiền hụi chết của chị D và anh Tuấn A, cụ thể các dây hụi sau:

+ Dây hụi tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm có 40 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, chị H tham gia 02 phần, tuy Nền trong danh sách hụi viên 01 phần ghi là “cô H”, còn 01 phần ghi tên là “Chal”.

Về 01 phần hụi ghi tên “cô H” chị đã hốt hụi, hiện còn nợ lại 19 kỳ (lần) hụi chết với số tiền là 19.000.000 đồng.

Riêng 01 phần hụi ghi tên “Chal” thì chị đã đóng được 21 kỳ (lần) hụi sống. Nếu tính cả vốn và lãi hụi thì được số tiền 21.000.000 đồng.

Đối với dây hụi này, chị H đồng ý khấu trừ giữa hụi sống và hụi chết, xem như xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Dây hụi thứ hai mở ngày 30/6/2017 âm lịch, có 32 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, chị H tham gia 01 phần, danh sách hụi viên ghi tên là “cô H”, đã hốt hụi xong, hiện còn nợ lại 21 kỳ hụi chết với số tiền là 42.000.000 đồng. Đối với số tiền hụi chết này, chị H đồng ý khấu trừ vào số tiền hụi 394.000.000 đồng mà chị khởi kiện vợ chồng chị D và anh Tuấn A, còn lại 352.000.000 đồng.

Nay chị H yêu cầu vợ chồng chị D và anh Tuấn A phải trả số tiền vốn và lãi hụi của các dây hụi sau:

01 phần hụi sống, hụi 5.000.000 đồng, đã đóng được 10 kỳ của dây hụi mở ngày 29/02/2015 âm lịch là: **50.000.000 đồng**.

01 phần hụi sống, hụi 10.000.000 đồng, đã đóng được 07 kỳ của dây hụi mở ngày 29/03/2016 âm lịch là: **70.000.000 đồng**.

02 phần hụi sống, hụi 2.000.000 đồng, đã đóng được 21 kỳ/01 phần x 02 phần của dây hụi mở ngày 20/10/2016 âm lịch là **84.000.000 đồng** (02 phần hụi ghi tên “cô H”).

02 phần hụi sống, hụi 2.000.000 đồng, đã đóng được 21 kỳ/01 phần x 02 phần của dây hụi mở ngày 20/10/2016 âm lịch là **84.000.000 đồng** (02 phần hụi ghi tên “Chal”).

01 phần hụi sống, hụi 2.000.000 đồng, đã đóng được 17 kỳ của dây hụi mở ngày 10/02/2017 âm lịch là **34.000.000 đồng**.

01 phần hụi sống, hụi 2.000.000 đồng, đã đóng được 12 kỳ của dây hụi thứ nhất mở ngày 30/6/2017 âm lịch là **24.000.000 đồng** (phần hụi ghi tên “cô H”).

01 phần hụi sống, hụi 2.000.000 đồng, đã đóng được 12 kỳ của dây hụi thứ nhất mở ngày 30/6/2017 âm lịch là **24.000.000 đồng** (phần hụi ghi tên “Chal”).

01 phần hụi sống, hụi 2.000.000 đồng, đã đóng được 12 kỳ của dây hụi thứ hai mở ngày 30/6/2017 âm lịch là **24.000.000 đồng**. (phần hụi ghi tên “Chal”).

Cộng chung là **394.000.000 đồng**.

Đối với phần hội chết ghi tên cô H của dây hội thứ hai mở ngày 30/6/2017 âm lịch, do chị H còn nợ lại 21 kỳ hội chết với số tiền là 42.000.000 đồng. Chị H đồng ý khấu trừ vào số tiền 394.00.000 đồng, còn lại **352.000.000 đồng**. Chị H yêu cầu chị D và anh Tuấn A phải thanh toán cho chị số tiền hội còn nợ là **352.000.000 đồng**.

Đối 01 phần hội sống, mỗi phần 1.000.000 đồng, đã đóng được 21 kỳ của dây hội mở ngày 20/10/2016 âm lịch ghi tên “Chal” là 21.000.000 đồng, do chị còn nợ vợ cH chị D, anh Tuấn A 19 kỳ (lần) hội chết của phần hội ghi tên “cô H” cũng của dây hội này nên chị đồng ý khấu trừ, xem như xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên Tòa, chị H đồng ý tiếp tục khấu trừ tiền huê H đầu thảo cho chị D và anh Tuấn A với số tiền là 12.000.000 đồng. Như vậy, số tiền hội mà chị H yêu cầu vợ cH chị D, anh Tuấn A phải thanh toán là **340.000.000 đồng**.

Theo Tờ tường trình ngày 19/8/2019 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị D và anh Trần Tuấn A là vợ cH. Chị có tổ chức làm đầu thảo hội, chị Trần Thị H có tham gia góp hội. Cụ thể các dây hội sau:

1/ Dây hội mùa, 04 tháng khui một lần, mở vào ngày 29/02/2015 âm lịch, gồm 18 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, chị H tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội viên là “cô H”, đã đóng được 10 kỳ (lần) hội sống, nếu tính tiền vốn góp hội thì được số tiền 26.510.000 đồng.

2/ Dây hội mùa, 04 tháng khui một lần, mở vào ngày 29/3/2016 âm lịch, gồm có 19 phần, mỗi phần 10.000.000 đồng, chị H tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội viên là “cô H”, đã đóng được 07 kỳ (lần) hội sống, nếu tính tiền vốn góp hội thì được số tiền 39.630.000 đồng.

3/ Dây hội tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm có 50 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, chị H tham gia 02 phần, tên trong danh sách hội ghi là “cô H”, đã đóng được 21 kỳ (lần) hội sống/ 01 phần hội, nếu tính tiền vốn góp hội thì được số tiền 42.270.000 đồng (02 phần hội ghi tên cô H)

Riêng 02 phần hội ghi tên là “Chal” thì chị Chal (Chanh) đã đóng được 21 kỳ (lần) hội sống/ 01 phần hội, nếu tính tiền vốn góp hội thì được số tiền 42.270.000 đồng. Đây là tiền hội của chị Chal, không phải của chị H.

4/ Dây hội tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm có 40 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, chị H tham gia 01 phần, trong danh sách hội ghi là “cô H”. Đối với 01 phần hội này thì chị H đã hót hội, hiện còn nợ lại 19 kỳ (lần) hội chết với số tiền là 19.000.000 đồng, hiện nay chị H vẫn còn nợ 19.000.000 đồng.

Riêng 01 phần ghi tên là “Chal” thì chị Chal (Chanh) đóng được 21 kỳ (lần) hội sống/ 01 phần hội, nếu tính tiền vốn góp hội thì được số tiền 12.985.000 đồng. Đây là tiền hội của chị Chal, không phải của chị H.

5/ Dây hụi tháng, mở vào ngày 10/02/2017 âm lịch, gồm có 43 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, chị H tham gia 01 phần, trong danh sách hụi ghi tên là “cô H”, đã đóng được 17 kỳ (lần) hụi sống, nếu tính tiền vốn góp hụi thì được số tiền 16.875.000 đồng.

6/ Ngày 30/6/2017 âm lịch, vợ chồng chị D, anh Tuấn A mở 02 dây hụi gồm:

+ Dây hụi thứ nhất có 33 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, chị H tham gia 01 phần, danh sách hụi viên ghi tên là “cô H”, đã đóng hụi sống được 12 kỳ (lần), nếu tính tiền vốn góp hụi thì được 13.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ hai có 33 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, chị H tham gia 01 phần, danh sách hụi viên ghi tên là “cô H”, phần hụi này chị H đã hốt, hiện còn nợ lại 21 kỳ hụi chết với số tiền là 42.000.000 đồng. Hiện số tiền hụi chết này đến nay chưa thanh toán.

Đối với phần hụi ghi tên “Chal” (là con ruột chị H) tham gia, cụ thể như sau:

+ Dây hụi thứ nhất có 33 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, chị Chal tham gia 01 phần, danh sách hụi viên ghi tên là “chị Chal”, đã đóng hụi sống được 12 kỳ (lần), nếu tính tiền vốn góp hụi thì được 13.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ hai có 33 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, chị Chal tham gia 01 phần, danh sách hụi viên ghi tên là “chị Chal”, đã đóng hụi sống được 12 kỳ (lần), nếu tính tiền vốn góp hụi thì được 13.250.000 đồng.

Nay chị D có ý kiến như sau:

Chị đồng ý trả cho chị H tiền vốn góp hụi của các phần hụi sau:

01 phần hụi sống, hụi 5.000.000 đồng, đã đóng được 10 kỳ của dây hụi mở ngày 29/02/2015 âm lịch là: **26.510.000 đồng.**

01 phần hụi sống, hụi 10.000.000 đồng, đã đóng được 07 kỳ của dây hụi mở ngày 29/03/2016 âm lịch là: **39.630.000 đồng.**

02 phần hụi sống, hụi 2.000.000 đồng, đã đóng được 21 kỳ/01 phần x 02 phần của dây hụi mở ngày 20/10/2016 âm lịch (02 phần hụi ghi tên “cô H” là **42.270.000 đồng.**

01 phần hụi sống, hụi 2.000.000 đồng, đã đóng được 17 kỳ của dây hụi mở ngày 10/02/2017 âm lịch là **16.875.000 đồng.**

01 phần hụi sống, hụi 2.000.000 đồng, đã đóng được 12 kỳ của dây hụi thứ nhất mở ngày 30/6/2017 âm lịch (01 phần hụi ghi tên “cô H” là **13.000.000 đồng.**

Cộng chung là 138.285.000 đồng.

Về phần hụi chết của phần hụi ghi tên “cô H” của dây hụi mở ngày 20/10/2016 âm lịch, chị H còn nợ 19 kỳ hụi chết với số tiền 19.000.000 đồng và phần hụi chết ghi tên cô H của dây hụi thứ hai mở ngày 30/6/2017 âm lịch, chị H còn nợ lại 21 kỳ hụi chết với số tiền là 42.000.000 đồng, cộng chung là 61.000.000 đồng. Đối với số tiền hụi chết này, vợ chồng chị D, anh Tuấn A đồng ý khấu trừ vào số tiền vốn góp hụi 138.285.000 đồng, còn lại 77.285.000 đồng thì đồng ý trả cho chị H.

Riêng các phần hụi ghi tên “Chal” do chị Chal tham gia gồm:

02 phần hội sống, hội 2.000.000 đồng của dây hội mở ngày 20/10/2016 âm lịch, chị Chal đã đóng được 21 kỳ với số tiền vốn là 42.270.000 đồng.

01 phần hội sống, hội 1.000.000 đồng của dây hội mở ngày 20/10/2016 âm lịch, chị Chal đã đóng được 21 kỳ với số tiền vốn là 12.985.000 đồng.

01 phần hội sống, hội 2.000.000 đồng của dây hội thứ nhất mở ngày 30/6/2017 âm lịch, chị Chai đã đóng được 12 kỳ với số tiền vốn là 13.000.000 đồng.

01 phần hội sống, hội 2.000.000 đồng của dây hội thứ hai mở ngày 30/6/2017 âm lịch, chị Chal đã đóng được 12 kỳ với số tiền vốn là 13.250.000 đồng.

Cộng chung là **81.505.000 đồng**, vợ cH chị D, anh Tuấn A xác định đây là tiền vốn góp hội của chị Chal, nên sẽ trả cho chị Chal khi chị Chal có yêu cầu hoặc khởi kiện tại Tòa án. Vợ cH chị D, anh Tuấn A không đồng ý trả cho chị Trần Thị H vì những phần hội này không phải là tiền của chị H.

Ngoài ra, chị Trần Thị H còn nợ vợ cH chị D Nều phần hội chết chưa đóng, đối với phần tiền hội chết này, nếu chị D và anh Tuấn A có yêu cầu sẽ làm đơn phản tố hoặc sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Theo bản tự khai ngày 13/8/2019 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là anh Trần Tuấn A trình bày:

Anh Trần Tuấn A và chị Nguyễn Thị D là vợ cH. Anh thống nhất theo ý kiến của chị D đã trình bày về số tiền nợ hội của chị H. Anh Trần Tuấn A cũng đồng ý thanh toán cho chị Trần Thị H số tiền hội còn nợ là **77.285.000 đồng**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phan Thị Yến N (tên thường gọi là Chal – Chanh) có đơn xin vắng mặt.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/9/2019 và Bản tự khai ngày 11/9/2019 chị Phan Thị Yến N trình bày:

Chị tên là Phan Thị Yến N (tên thường gọi là Chal – Chanh) chị là con ruột của bà Trần Thị H.

Chị xác định: Toàn bộ các phần hội ghi tên Chal – Chanh mà bà H tham gia là tài sản của bà H, đối với các phần hội này do không phải là tiền của chị nên chị sẽ không khởi kiện đòi chị D và anh Tuấn A trả.

Chị N không có tham gia chơi hội, các phần hội ghi tên Chal – Chanh là do mẹ ruột là bà Trần Thị H tham gia đóng tiền hội, toàn bộ tiền hội là tài sản của bà H. Chị N không có ý kiến tranh chấp hay yêu cầu gì về số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H là có căn cứ. Bởi lẽ, giữa chị Trần Thị H cùng vợ chồng chị Nguyễn Thị D, anh Trần Tuấn A có thỏa thuận góp hụi, đồng thời, chị D và anh Tuấn A cũng thừa nhận chị Trần Thị H đã góp số kỳ (lần) hụi sống theo như lời trình bày của chị H. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

Đối với các dây hụi ghi tên “Chal – Chanh”, do chị N không thừa nhận có tham gia góp hụi như lời chị D và anh Tuấn A đã khai, đồng thời chị Trần Thị H cũng không thừa nhận, mặt khác, chị D và anh Tuấn A không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xác định toàn bộ các dây hụi ghi tên “Chal – Chanh” là tiền hụi của chị Trần Thị H.

Tại phiên Tòa, chị H đồng ý khấu trừ tiền hụi chết là 42.000.000 đồng và tiền huê H 12.000.000 đồng, cộng chung là 54.000.000 đồng vào số tiền chị yêu cầu là 394.000.000 đồng, còn lại 340.000.000 đồng. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của chị H, có lợi cho chị D, anh Tuấn A nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Như vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H đòi chị D và anh Tuấn A trả 340.000.000 đồng tiền nợ hụi.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H nên các ý kiến của chị D và anh Tuấn A về việc xin trả tiền vốn góp hụi là không có căn cứ để xem xét chấp nhận

Về án phí, chi phí tố tụng: đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về đánh giá chứng cứ: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn đều có ý kiến thừa nhận có tổ chức góp hụi tại các dây hụi sau:

1/ Dây hụi mùa, 04 tháng khui một lần, mở vào ngày 29/02/2015 âm lịch, gồm 18 phần, hụi 5.000.000 đồng, nguyên đơn tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi viên là “cô H”, đã đóng được 10 kỳ (lần) hụi sống.

2/ Dây hụi mùa, 04 tháng khui một lần, mở vào ngày 29/3/2016 âm lịch, gồm có 19 phần, hụi 10.000.000 đồng, nguyên đơn tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi viên là “cô H”, đã đóng được 07 kỳ (lần) hụi sống.

3/ Dây hụi tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm có 50 phần, hụi 2.000.000 đồng, nguyên đơn tham gia 02 phần, tên trong danh sách hụi viên là “cô H”, đã đóng được 21 kỳ hụi sống/01 phần hụi.

4/ Dây hụi tháng, mở vào ngày 10/02/2017 âm lịch, gồm có 43 phần, hụi 2.000.000 đồng, nguyên đơn tham gia 01 phần, trong danh sách hụi ghi tên là “cô H” đã đóng được 17 kỳ (lần) hụi sống.

5/ Ngày 30/6/2017 âm lịch, các bị đơn mở 02 dây hụi gồm:

+ Dây hội thứ nhất mở ngày 30/6/2017 âm lịch, có 33 phần, hội 2.000.000 đồng, nguyên đơn tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội viên là “cô H”, đã đóng hội sống được 12 kỳ (lần).

Đồng thời, các bị đơn cũng có ý kiến thừa nhận các phần hội ghi tên “Chal” – Chanh như sau:

1/ Dây hội tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm có 50 phần, hội 2.000.000 đồng, chị N tham gia 02 phần, tên trong danh sách hội viên là “Chal”, đã đóng được 21 kỳ hội sống.

2/ Dây hội thứ nhất mở ngày 30/6/2017 âm lịch, có 33 phần, hội 2.000.000 đồng, chị N tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội viên ghi tên là “Chal”, đã đóng hội sống được 12 kỳ (lần).

3/ Dây hội thứ hai mở ngày 30/6/2017 âm lịch, có 33 phần, hội 2.000.000 đồng, chị N tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội viên ghi tên là “Chal”, đã đóng hội sống được 12 kỳ (lần).

Ngoài ra, các bị đơn cũng thừa nhận và nguyên đơn cũng thống nhất còn nợ các bị đơn tiền hội chết của dây hội sau:

+ Dây hội thứ hai mở ngày 30/6/2017 âm lịch, hội 2.000.000 đồng, nguyên đơn còn nợ lại 21 kỳ hội chết với số tiền là 42.000.000 đồng.

Xét thấy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Đối với ý kiến của các bị đơn cho rằng, phần hội ghi tên “Chal” là hội của chị Phan Thị Yến N (là con ruột của nguyên đơn). Tuy N, chị N lại có ý kiến không thừa nhận và khẳng định đây là hội do nguyên đơn tham gia, số tiền nợ hội không liên quan gì đến chị N. Lời trình bày của chị N cũng được nguyên đơn thừa nhận. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định, nguyên đơn có tham gia góp hội do các bị đơn làm đầu thảo tại các phần hội ghi tên “cô H” và tại các phần hội ghi tên “Chal” của những dây hội được liệt kê nêu trên là sự thật.

[2] Về yêu cầu của các nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán số tiền hội còn nợ của các dây hội sau:

1/ Dây hội mùa, 04 tháng khai một lần, mở vào ngày 29/02/2015 âm lịch, gồm 18 phần, hội 5.000.000 đồng, nguyên đơn tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội viên là “cô H”, đã đóng được 10 kỳ (lần) hội sống với số tiền là **50.000.000 đồng**.

2/ Dây hội mùa, 04 tháng khai một lần, mở vào ngày 29/3/2016 âm lịch, gồm có 19 phần, hội 10.000.000 đồng, nguyên đơn tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội viên là “cô H” đã đóng được 07 kỳ (lần) hội sống với số tiền là **70.000.000 đồng**.

3/ Dây hội tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm có 50 phần, hội 2.000.000 đồng, nguyên đơn tham gia 02 phần, tên trong danh sách hội viên là “cô H”, đã đóng được 21 kỳ hội sống với số tiền là **84.000.000 đồng**.

4/ Dây hội tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm có 50 phần, hội 2.000.000 đồng, nguyên đơn tham gia 02 phần, tên trong danh sách hội viên là “Chal”, đã đóng được 21 kỳ hội sống với số tiền là **84.000.000 đồng**.

5/ Dây hội tháng, mở vào ngày 10/02/2017 âm lịch, gồm có 43 phần, hội 2.000.000 đồng, nguyên đơn tham gia 01 phần, trong danh sách hội ghi tên là “cô H” đã đóng được 17 kỳ (lần) hội sống với số tiền là **34.000.000 đồng**.

6/ Dây hội thứ nhất mở ngày 30/6/2017 âm lịch, có 33 phần, hội 2.000.000 đồng, nguyên đơn tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội viên ghi tên là “cô H”, đã đóng hội sống được 12 kỳ (lần) với số tiền là **24.000.000 đồng**.

7/ Dây hội thứ hai mở ngày 30/6/2017 âm lịch, có 33 phần, hội 2.000.000 đồng, nguyên đơn tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội viên ghi tên là “Chal”, đã đóng hội sống được 12 kỳ (lần) với số tiền là **24.000.000 đồng**.

8/ Dây hội thứ hai mở ngày 30/6/2017 âm lịch, có 33 phần, hội 2.000.000 đồng, nguyên đơn tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội viên ghi tên là “Chal”, đã đóng hội sống được 12 kỳ (lần) với số tiền là **24.000.000 đồng**.

Cộng chung là **394.000.000 đồng**.

Do nguyên đơn còn nợ lại các bị đơn 42.000.000 đồng tiền hội chết và tại phiên Tòa, các nguyên đơn tự nguyện khấu trừ thêm 12.000.000 đồng tiền huê H cho các bị đơn, cộng chung là **54.000.000 đồng**, chỉ yêu cầu các bị đơn phải thanh toán số tiền còn lại là **340.000.000 đồng**

Xét thấy, giữa nguyên đơn và các bị đơn đã có giao dịch về tài sản dưới hình thức góp hội với mục đích tương trợ, có hưởng huê H, tiền lãi được thực hiện theo quy định của pháp luật là có thật. Mặc dù hiện nay các dây hội mà nguyên đơn tham gia do các bị đơn làm đầu thảo đã ngưng góp hội sống, nhưng các bị đơn vẫn tiếp tục góp hội chết của các thành viên khác và cũng thực hiện việc khấu trừ cả tiền hội chết đối với những phần hội mà nguyên đơn còn nợ nhưng lại không thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ tiền hội tương ứng số kỳ hội đã đóng là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn đòi các bị đơn phải thanh toán số tiền hội còn nợ là 340.000.000đ là chính đáng và có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với ý kiến của các bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vốn góp hội đối với các phần hội ghi tên “cô H” cộng chung là 77.285.000 đồng (sau khi đã khấu trừ 42.000.000 đồng tiền hội chết mà nguyên đơn còn nợ), vấn đề này nguyên đơn không đồng ý và cũng không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận ý kiến này của các bị đơn.

Riêng dây hội tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm có 40 phần, hội 1.000.000 đồng, nguyên đơn tham gia 02 phần trong danh sách hội viên 01 phần ghi là “cô H”, còn 01 phần ghi tên là “Chal”. Do nguyên đơn không có yêu cầu nên

Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Nếu sau này giữa nguyên đơn và các bị đơn có tranh chấp về đây hui này thì có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết sau.

Về phần hui chết mà nguyên đơn còn nợ các bị đơn. Xét thấy, do các bị đơn không có yêu cầu phản tố hay tranh chấp gì nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để đặt ra giải quyết. Nếu sau này giữa các bị đơn và nguyên đơn có tranh chấp thì các bị đơn có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác để yêu cầu Tòa án giải quyết theo luật định.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính thêm tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện trả tiền hui. Xét thấy, việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi phát sinh là có lợi cho các bị đơn, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử không có căn cứ đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí DSST:

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy Nê, các bị đơn được Hội đồng xét xử xem xét giảm 50% đối với phần tiền án phí phải chịu do có đơn xin miễn giảm án phí vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn có sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Kế An.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1, Điều 227, khoản 1, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ: Về họ, hui, biểu, phường;

Căn cứ khoản 1, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ: Về họ, hui, biểu, phường;

Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H. Buộc chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tuấn A cùng chịu trách Nệm thanh toán cho chị Trần Thị H **340.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi triệu đồng)** tiền nợ hui.

[2] Về án phí:

Chị Trần Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **9.850.000 đồng (chín triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng)** theo biên lai thu số 0008646 ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tuấn A phải cùng chịu **8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm ngàn đồng)** tiền án phí dân sự sơ thẩm. (đã giảm 50% theo quy định của pháp luật).

Án xử công khai, chị Trần Thị H có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án. Anh Trần Tuấn A, chị Nguyễn Thị D và chị Phan Thị Yến N không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án do có đơn xin xét xử vắng mặt.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hải Duy